

ĐÁNH GIÁ NHỮNG TÁC ĐỘNG CỦA HỘI NHẬP QUỐC TẾ ĐẾN LĨNH VỰC VĂN BẢN PHÁP LUẬT VỀ KINH TẾ THƯƠNG MẠI

1. Những tác động của hội nhập quốc tế đến lĩnh vực văn bản pháp luật về thương mại kinh tế:

Trong các lĩnh vực của hệ thống văn bản pháp luật, lĩnh vực pháp luật về kinh tế, thương mại tác động đến hội nhập quốc tế. Sở dĩ như vậy là vì cho đến nay ở Việt Nam kinh tế là lĩnh vực đầu tiên và sâu rộng hơn cả lĩnh vực khác. Việc hội nhập kinh tế quốc tế bắt đầu cùng với quá trình đổi mới toàn diện đất nước.

Tác động hội nhập quốc tế đến hệ thống văn bản pháp luật về kinh tế thương mại thực hiện bằng 2 cách: (i) Thông qua việc sửa đổi các quy định về pháp luật (ii) thông qua việc áp dụng các quy định pháp luật quốc tế ở Việt Nam có hiệu quả. Qua những năm đổi mới và hội nhập quốc tế, các quy định pháp luật kinh tế, thương mại của Việt Nam đã có những thay đổi lớn giúp phát triển nền kinh tế thị trường hướng xã hội chủ nghĩa.

Hội nhập quốc tế làm cho lĩnh vực pháp luật về kinh tế, thương mại của Việt Nam có những biến đổi lớn theo hướng tích cực. Những năm cuối của thập kỷ 80 thế kỷ XX, thậm chí cả thập kỷ 90 của thế kỷ XX các văn bản pháp luật hầu hết đều còn mang dấu ấn của nền kinh tế tập trung quan liêu bao cấp. Các quy định pháp luật về kinh tế thương mại chủ yếu phù hợp với các quan hệ kinh tế thương mại của doanh nghiệp nhà nước, chưa bảo đảm tốt cho môi trường kinh doanh bình đẳng, minh bạch của các cá nhân tổ chức quốc doanh. Pháp luật chưa tạo được môi trường kinh doanh bình đẳng giữa các thành phần kinh tế cũng như giữa doanh nghiệp và nước ngoài. Thậm chí, khung pháp luật về thương mại kinh tế của thời kỳ này chưa đảm bảo cơ hội được kinh doanh của các cá nhân, doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam. Những thay đổi lớn theo hướng tích cực và dần đáp ứng yêu cầu của một hệ thống văn bản pháp luật trong một nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Các sửa đổi đối với văn bản pháp luật về kinh tế, thương mại đã đáp ứng yêu cầu về hội nhập kinh tế quốc tế đã mang đến cho hệ thống văn bản pháp luật Việt Nam những đặc điểm được coi là tiêu chuẩn của mọi hệ thống văn bản pháp luật tiên bộ cần phải có để tạo thuận lợi cho hoạt động kinh doanh trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Các đặc điểm này giúp tạo ra

một sân chơi bình đẳng cho các doanh nghiệp ở mọi thành phần kinh tế, giúp các nhà kinh doanh có thể đánh giá chi phí, rủi ro của mình một cách chính xác và toàn diện thông qua các yếu tố kinh tế, chứ không phải các yếu tố khác, như chính trị hoặc hành chính. Các đặc điểm này là:

- Ngày càng minh bạch hơn trong xây dựng, ban hành và thực thi các văn bản pháp luật;

- Tính có thể dự đoán được về thay đổi và phát triển của các quy định của văn bản pháp luật;

- Bảo đảm tính trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền trong thực thi pháp luật;

- Các cá nhân, tổ chức (kể cả cá nhân, tổ chức nước ngoài) có thể tiếp cận các quy trình pháp luật, thủ tục pháp luật một cách dễ dàng;

- Chức năng quản lý cơ quan nhà nước được quy định rõ trong văn bản pháp luật;

- Các văn bản pháp luật chứa đựng những thông lệ quốc

- Bảo đảm tính linh hoạt và phạm vi điều chỉnh pháp luật đủ để đáp ứng được mức độ phức tạp của các giao dịch kinh doanh phát sinh trong đời sống.

Trong những năm gần đây, các văn bản pháp luật Việt Nam điều chỉnh trong lĩnh vực kinh tế ngày càng được chú trọng tăng cường về chất lượng. Điều đó là do Việt Nam điều chỉnh để đáp ứng những tiêu chuẩn cao hơn trong cam kết về hội nhập kinh tế của Việt Nam. Bên cạnh đó, Việt Nam cũng đã chú trọng hơn việc tham gia các tổ chức quốc tế trong lĩnh vực pháp luật để thông qua đó cải cách pháp luật trong nước. Ví dụ: Việt Nam tham gia Hội nghị La Hay về tư pháp quốc tế vào năm 2012, đang tiến hành các thủ tục hoặc nghiên cứu để tham gia các tổ chức quốc tế khác về pháp luật (Tổ chức quốc tế về luật phát triển – IDLO, Viện quốc tế về nhất thể hóa pháp luật tư – UNIDROIT, v.v.).

Một điểm nữa là, cho đến nay, việc định hướng của pháp luật trong việc phát triển lĩnh vực hội nhập kinh tế quốc tế cũng rõ ràng hơn. Theo các văn bản pháp luật hiện hành, thì hội nhập kinh tế quốc tế trong giai đoạn hiện nay tập trung vào các nội dung sau đây:

- a) Rà soát, cập nhật và tổ chức thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ nhằm tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa X về một số

chủ trương đề thực hiện nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững sau khi Việt Nam gia nhập tổ chức thương mại thế giới(WTO), đảm bảo hài hòa, đồng bộ với Chương trình hành động về hội nhập quốc tế; bổ sung các nhiệm vụ mới để đáp ứng những yêu cầu cần đặt ra đối với sự phát triển của đất nước từ nay đến năm 2020.

b) Xây dựng và triển khai Chương trình hành động thực hiện Chiến lược tham gia các thỏa thuận thương mại tự do (FTA) đến năm 2020.

c) Xây dựng và triển khai Chiến lược hội nhập kinh tế quốc tế đến năm 2020, trong đó lồng ghép các định hướng chiến lược về hội nhập quốc tế trong lĩnh vực tài chính – tiền tệ. Xây dựng định hướng nâng cao hiệu quả tham gia và phát huy vai trò của Việt Nam tại các định chế kinh tế, thương mại, tài chính – tiền tệ như Quỹ tiền tệ quốc tế(IME), Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB)...; tham gia tích cực các cơ chế hợp tác khác như Diễn đàn hợp tác Á – Âu (ASEM)...

d) Nâng cao hiệu quả tham gia và tăng cường đóng góp thiết thực tại các cơ chế hợp tác đa phương ở châu Á – Thái Bình Dương như Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á – Thái Bình Dương(APEC); đề xuất và dẫn dắt các sáng kiến mới, ở tầm khu vực và toàn cầu, trong các lĩnh vực Việt Nam có thế mạnh như an ninh lương thực, ứng phó với biến đổi khí hậu...; ưu tiên đóng góp xây dựng và phát triển hiệu quả sự tham gia của các nước trong Cộng đồng kinh tế ASEAN và hợp tác kinh tế giữa ASEAN với các đối tác, nhất là tăng cường kết nối và phát triển nguồn nhân lực; nâng tầm các cơ chế liên kết kinh tế tiểu vùng và liên quan, trong đó coi trọng cơ chế Hợp tác Mê Kông – Sông Hằng (MGC), Chương trình hợp tác kinh tế tiểu vùng Mê Kông mở rộng (GMS), Tổ Mê Kông (ACMECS), Sáng kiến hợp tác kinh tế Vịnh Bắc Bộ mở rộng v.v..

đ) Cải thiện môi trường thu hút đầu tư nước ngoài đồng thời đảm bảo an ninh kinh tế, hiệu quả kinh tế - xã hội – môi trường; xây dựng và triển khai đồng bộ các biện pháp thu hút các tập đoàn xuyên quốc gia vào đầu tư, kinh doanh ở Việt Nam; đẩy mạnh tái cơ cấu đầu tư công, khuyến khích các hoạt động đầu tư tư nhân và hợp tác công – tư; nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư, quản lý chặt chẽ nợ còn. Xây dựng cơ chế, chính sách phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam.

e) Triển khai mạnh mẽ các biện pháp vận động chính trị, ngoại giao kết hợp giải trình kỹ thuật trong việc vận động các nước sớm công nhận quy chế kinh tế thị trường Việt Nam; đẩy mạnh vận động chính trị, ngoại giao phục vụ hội nhập kinh tế quốc tế.

2. Sự hoàn thiện của hệ thống pháp luật kinh tế, thương mại đáp ứng yêu cầu hội nhập

Để đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế Quốc tế trong giai đoạn mới, các chính sách kinh tế thương mại đã được xây dựng trên các nguyên tắc phù hợp với thông lệ quốc tế, đảm bảo môi trường cạnh tranh lành mạnh được thể hiện chủ yếu ở những điểm sau:

Xét về tính minh bạch là một trong những yêu cầu của bất kỳ khuôn khổ hợp tác kinh tế quốc tế nào. Điều khoản về minh bạch trong các điều ước quốc tế có nhưng điều nội dung khó nắm bắt nhằm bảo đảm sự rõ ràng, công khai trong thực hiện các biện pháp liên quan đến thương mại của cơ quan, tổ chức nhà nước. Tuy nhiên, nội dung quan trọng nhất là yêu cầu các cơ quan, tổ chức nhà nước bảo đảm tính minh bạch, công khai trong ban hành và thực thi pháp luật.

Ví dụ: Trong hiệp định thương mại song phương Việt Nam – Hoa Kỳ có khá nhiều quy định liên quan đến minh bạch (Điều 5, Chương IV, các khoản trong chương VI), các hiệp định của WTO hầu hết đều có các điều khoản quy định về minh bạch. Đặc biệt, trong các hiệp định thương mại và thương mại tự do Việt Nam và các nước đàm phán, ký kết trong giai đoạn hiện nay thì điều khoản về minh bạch được coi là điều khoản quan trọng nhất.

Đối với hệ thống văn bản pháp luật, minh bạch là khi cá nhân, tổ chức trong hoạt động xã hội có quyền được biết, có đủ điều kiện để biết về những quy định trong các văn bản pháp luật hiện hành cũng như các quy định pháp luật đó sẽ được áp dụng như thế nào trong thực tế và các cá nhân, tổ chức được quyền tham gia trong quá trình xây dựng pháp luật cũng như giám sát quá trình thực thi nó.

Tính minh bạch trong pháp luật còn thể hiện chỗ các quy định, các thủ tục thực hiện quyền và nghĩa vụ của các cơ quan, tổ chức, của người dân được thực hiện trong pháp luật phải thực sự rõ ràng, thuận lợi và dễ kiểm soát.

Minh bạch pháp luật giúp cho cá nhân, tổ chức đưa ra các quyết định, kế hoạch hoạt động kinh doanh hiệu quả trên cơ sở có đầy đủ thông tin và tuân thủ

pháp luật. Đồng thời, minh bạch cũng làm cho việc thực thi pháp luật của cơ quan công quyền không bị lệch lạc, không bị bóp méo. Đặc biệt, minh bạch là một trong những điều kiện tiêu quyết góp phần chống tham nhũng, tiêu cực có thể nảy sinh trong thực thi pháp luật của các cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền của cơ quan nhà nước.

Trước đây, tinh minh bạch trong pháp luật của Việt Nam khá mờ nhạt do thiếu các điều kiện vật chất bảo đảm cho việc thực thi đầy đủ từ khâu ban hành văn bản đến quá trình thực thi văn bản quy phạm pháp luật trong đời sống. Khi Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ra đời đã đánh dấu một bước phát triển đáng kể quy trình ban hành luật của Việt Nam đồng thời cũng dần khẳng định được tính công khai, minh bạch từ quy trình làm luật, đến quy trình thủ tục áp dụng các quy phạm pháp luật. Tuy nhiên, Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 1996 vẫn còn những tồn tại hạn chế làm giảm tính minh bạch trong việc ban hành và quy trình thủ tục thực hiện đó là không đưa ra các biện pháp chế tài trong trường hợp cơ quan nhà nước, người có trách nhiệm của cơ quan nhà nước không tuân không tuân thủ các quy định về tính công khai, minh bạch. Tình trạng các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành ra nhưng không đăng Công báo khá phổ biến tại thời gian này dẫn đến việc cá nhân, tổ chức không thể biết được những quy định của pháp luật mà mình phải có nghĩa vụ tuân theo dẫn đến tình trạng các tổ chức, cá nhân có nguy cơ phải chịu những rủi ro do việc không tuân thủ pháp luật trong hoạt động kinh doanh của mình.

Để khắc phục những tồn tại, hạn chế của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 1996 đối với vấn đề tính minh bạch của của pháp luật, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã quy định tất cả các văn bản quy pháp luật khi được ban hành phải được đăng công báo công khai trước 15 ngày kể từ khi có hiệu lực thi hành. Tuy nhiên, để phù hợp với tình hình thực tế và yêu cầu hội nhập, Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi năm 2008 quy định các văn bản quy phạm pháp luật chỉ có hiệu lực không sớm hơn 45 ngày kể từ ngày ký hoặc công bố. Văn bản quy phạm pháp luật không đăng trên công báo sẽ không có hiệu lực thi hành. Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định cụ thể đối với những văn bản quy phạm pháp luật trong thời hạn chậm nhất là hai ngày làm việc kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành, cơ quan ban hành văn bản quy phạm pháp luật phải gửi văn bản đến cơ quan có trách nhiệm để đăng Công báo.

Đối với những văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương ban hành, Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2004 quy định chỉ cần đăng công khai sau khi thông qua vài ngày và có hiệu lực của văn bản không phụ thuộc vào việc đăng công khai đó.

Tính minh bạch trong việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật còn được thể hiện ở việc lấy ý kiến góp ý của nhân dân đối được quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 1996, sửa đổi năm 2002 và được quy định cụ thể hơn năm 2008. Bên cạnh đó, Nghị định 24/2009/NĐ-CP cũng đã hướng dẫn cụ thể về quy trình và thủ tục soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật như sau:

Ban soạn thảo phải lấy ý kiến của các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản; đăng tải toàn văn dự thảo trên trang thông tin điện tử của Chính phủ hoặc cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của cơ quan ban hành trong thời gian ít nhất là sáu mươi ngày để các cơ quan, tổ chức, cá nhân góp ý kiến; Các ý kiến thu thập được phải được xem xét, tiếp thu và chỉnh lý vào dự thảo văn bản.

Đối với những dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ được giao chủ trì soạn thảo có trách nhiệm gửi tới Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam để lấy ý kiến của doanh nghiệp; trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật Phòng thương mại và Công nghiệp Việt Nam phải tổ chức lấy ý kiến của các doanh nghiệp; tổng hợp ý kiến và gửi đến Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ, cơ quan chủ trì soạn thảo.

Đối với văn bản do cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương ban hành, Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2004 yêu cầu các cơ quan liên quan ở cấp địa phương phải có trách nhiệm tại điều kiện cho các cá nhân, tổ chức đóng góp ý kiến vào dự thảo văn bản. Việc tổ chức lấy ý kiến các đối tượng chịu ảnh hưởng trực tiếp từ văn bản và xem xét các ý kiến khi chỉnh lý dự thảo luật.

Trước yêu cầu xây dựng và đổi mới quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả của việc điều chỉnh pháp luật đến

các quan hệ xã hội, thúc đẩy hội nhập quốc tế, năm 2015 Quốc hội đã thông qua Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và có hiệu lực từ ngày 01-07-2016. Theo những quy định mới nhất của luật này thì tính công khai, minh bạch trong xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật được duy trì và nâng cao. Quy trình xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan có thẩm quyền được quy định chặt chẽ hơn và được quy định chung trong một luật.

Đối với vấn đề lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan được thực hiện cả ở giai đoạn đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và xây dựng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật. Việc lấy ý kiến đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và đăng công khai, niêm yết, đưa tin trên các phương tiện thông tin đại chúng các văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương cũng được quy định rõ ràng hơn trước đây.

Điều 11, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 quy định văn bản quy phạm pháp luật phải được quy định cụ thể để khi có hiệu lực thi hành sẽ được thi hành ngay. Trong trường hợp văn bản có điều, khoản, điểm mà nội dung liên quan đến quy trình, quy chuẩn kỹ thuật và những nội dung khác cần quy định chi tiết thì ngay tại điều khoản, điểm đó có thể giao cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định chi tiết thì ngay tại điều, khoản, điểm đó có thể giao cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định chi tiết. Văn bản quy định chi tiết chỉ được quy định nội dung được giao và không được quy định lặp lại nội dung của văn bản được quy định chi tiết. Cơ quan được giao ban hành văn bản quy định nội dung chi tiết không được ủy quyền tiếp. Dự thảo văn bản quy định chi tiết phải được chuẩn bị và trình đồng thời với dự án luật, pháp lệnh và phải được ban hành để có hiệu lực cùng thời điểm có hiệu lực của văn bản có hiệu lực hoặc điều khoản, điểm được quy định chi tiết. Trường hợp một cơ quan được giao quy định chi tiết nhiều nội dung của một văn bản quy phạm pháp luật thì ban hành một văn bản để quy định chi tiết nội dung đó, trừ trường hợp cần phải quy định trong các văn bản khác nhau. Trường hợp một cơ quan được giao quy định chi tiết các nội dung của nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác nhau thì có thể ban hành một văn bản để quy định chi tiết.

Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ thi hành văn bản quy phạm pháp luật cũng được quy định tại Điều 12 của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 về văn bản quy phạm pháp luật chỉ được sửa đổi, bổ

sung, thay thế hoặc bãi bỏ bằng văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan nhà nước đã ban hành văn bản đó hoặc bị đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên có thẩm quyền. Văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành văn bản khác phải xác định rõ tên văn bản, phần, chương, mục, tiểu mục, điều khoản, điểm của căn bản bị sửa đổi, bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, thay thế, đình chỉ hoặc bổ sung việc thi hành. Văn bản bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật phải được đăng công báo, niêm yết theo quy định.

Khi ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cơ quan ban hành văn bản quy phạm pháp luật phải sửa đổi, bổ sung, thay thế phần, chương, mục, tiểu mục, điểm, điều khoản của văn bản quy phạm pháp luật do mình ban hành trái với quy định của văn bản mới ngay trong văn bản mới đó. Trường hợp chưa thể sửa đổi, bổ sung, thay thế ngay thì phải xác định rõ trong văn bản mới danh mục văn bản, phần, chương, mục, tiểu mục, điều, khoản, điểm của văn bản quy phạm pháp luật mà mình đã ban hành trái với quy định của văn bản quy phạm pháp luật mới và có trách nhiệm sửa đổi, bổ sung trước khi văn bản quy phạm pháp luật mới có hiệu lực. Một văn bản quy phạm pháp luật có thể được ban hành để đồng thời sửa đổi, bổ sung thay thế, bãi bỏ nội dung trong nhiều văn bản quy phạm pháp luật do cùng cơ quan ban hành.

Nhằm tiếp tục hoàn thiện pháp luật để hội nhập quốc tế, trong thời gian tới minh bạch hóa trong xây dựng, ban hành và thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật sẽ còn được tiếp tục cải thiện hơn nữa để phục vụ yêu cầu điều chỉnh pháp luật trong nước và đáp ứng các cam kết quốc tế của Việt Nam.

- Về tính có thể dự đoán trước của các quy định pháp luật:

Việc bảo đảm môi trường pháp luật trong nước ổn định, không thay đổi đột ngột cũng là một yêu cầu khi thực hiện hội nhập quốc tế. Đặc biệt, đây là điều kiện tối quan trọng bảo đảm thu hút đầu tư nước ngoài.

Tính có thể dự đoán trước của các quy định pháp luật giúp các cá nhân, tổ chức, nhất là doanh nghiệp, giảm thiểu các rủi ro trong kinh doanh. Cá nhân, doanh nghiệp có thể dự liệu trước là các văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh hoạt động doanh nghiệp sẽ không thay đổi đột ngột, tùy tiện và vượt ra khỏi dự kiến của họ. Việc dự đoán trước được như vậy giúp doanh nghiệp lập kế hoạch kinh doanh phù hợp. Các bên tham gia kinh doanh có thể dự liệu trước về việc

các cơ quan nhà nước có thẩm quyền sẽ giải thích và thực thi pháp luật liên quan điều chỉnh lĩnh vực hoạt động của họ như thế nào.

Một điều cơ bản được cải thiện trong lĩnh vực pháp luật là về hợp đồng. Trước đây, không chỉ có một văn bản pháp luật duy nhất điều chỉnh về các loại hợp đồng hoặc thậm chí là một loại hợp đồng cụ thể, mà có đến ba nhóm quy tắc pháp lý khác nhau, chông chéo và không nhất quán có thể được đưa ra áp dụng để điều chỉnh về hợp đồng. Ví dụ: hợp đồng nhân sự được xác định và chịu sự điều chỉnh của Bộ luật dân sự năm 1995, còn đối với hợp đồng thương mại là Luật thương mại năm 1997 và với hợp đồng kinh tế Pháp lệnh về hợp đồng kinh tế năm 1989. Các quy định pháp luật khác nhau và đôi khi mâu thuẫn nhau, làm cho Luật sư và Thẩm phán khó có thể phân định loại hợp đồng này khác với loại hợp đồng khi giải quyết tranh chấp. Mỗi nhóm quy tắc pháp lý nêu trên lại đưa ra nhiều yêu cầu mang tính hình thức về nội dung và điều khoản của hợp đồng, Việc hợp đồng không tuân thủ hình thức hại đáng kể cho hai bên. Tòa án có thể không cho thi hành thỏa thuận miệng qua điện thoại. Giao kết hợp đồng không chính thức bằng cách trao đổi thư từ cũng có thể làm cho hợp đồng không thực thi được. Việc thiếu tính có thể dự đoán trước của các quy định pháp luật làm hoạt động kinh doanh bị trì trệ.

Trước đây, trong một số trường hợp cụ thể doanh nghiệp không biết chắc được rằng nếu hợp đồng đã tuân thủ pháp luật nội dung, thì có thể được Tòa án công nhận hay không xảy ra tranh chấp. Trong kinh doanh khi có tranh chấp xảy ra, doanh nghiệp luôn mong muốn được giải quyết nhanh nhất có thể. Do đó, họ muốn có được quyết định chung thẩm sớm từ phía Tòa án. Việc biết được khi nào có quyết định chung thẩm của Tòa án cho phép doanh nghiệp tính được chi phí và tiếp tục thực hiện các bước sau này trong hoạt động kinh doanh.

Thời kỳ trước Việt Nam hội nhập quốc tế mạnh mẽ, doanh nghiệp rất khó có thể dự đoán trước một cách chắc chắn rằng, khi nào thì một bản án, quyết định của Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng của các bên sẽ là chung thẩm. Bên án, quyết định của Tòa án có thể được xem xét phúc thẩm tại Tòa án cấp trên như phổ biến ở nhiều nước, nhưng quá trình phúc thẩm này lại tương đối tốn thời gian. Ngoài ra, bản án, quyết định sơ thẩm còn có thể được Hội đồng thẩm phán hoặc một Ủy ban thẩm phán xem xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc tái thẩm. Vào bất cứ thời điểm nào trong quá trình xét xử và ngay cả khi viết xét xử đã chấm dứt, Viện kiểm sát nhân dân đều có thể có ý kiến rằng hợp

đồng đó vô hiệu. Bên trường hợp do bất chấp của pháp luật về thi hành án dân sự nước ta.

Cho tới gian đoạn bắt đầu hội nhập quốc tế, nhiều trường hợp các quy định pháp luật không được thực hiện đúng các quy định trong từng văn bản quy phạm pháp luật không rõ ràng, thậm chí mâu thuẫn về cùng một vấn đề trong văn bản khác nhau. Ví dụ: một quy định cụ thể của văn bản quy phạm pháp luật có thể giải quyết theo các cách khác nhau trong trường hợp như vậy, sẽ rất khó cho cá nhân, doanh nghiệp có thể dự đoán trước trên cơ sở lời văn của văn bản quy phạm pháp luật về việc văn bản pháp luật đó sẽ ảnh hưởng thực tế như thế nào tới cá nhân, doanh nghiệp. Tính thể dự đoán trước của các quy định pháp luật làm giảm hiệu quả của hoạt động kinh doanh trong nền kinh tế thị trường.

Đến nay, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam đã mang tính dự đoán trước cao hơn nhiều so với những trước khi hội nhập quốc tế. Đối với lĩnh vực pháp luật về đồng, nội dung được cải thiện theo nhiều cách thức. Việc hội ban hành Bộ luật dân sự năm 2005 và luật thương năm 1989 là nhằm khắc phục các vấn đề pháp lý liên quan tồn tại, bất cập trước đó. Trong đó, có việc sửa đổi cơ bản pháp luật về hợp đồng để tạo ra một khuôn khổ pháp lý mới hiện đại, toàn diện và nhất quán cho hợp đồng tại Việt Nam. quy tắc hợp đồng quy định trong Bộ luật dân sự năm 2005 chỉnh mọi vấn đề pháp lý về hợp đồng, bao gồm các vấn đề kinh tế, chứ không phải chỉ có vấn đề giữa các cá nhân phải chỉ là việc bán hàng hóa và một số lượng hạn chế các dịch vụ. Độ chắc chắn của các căn cứ pháp lý được cải thiện trên cơ sở có sự thống nhất và nhất quán trong các văn bản quy phạm pháp luật giúp giảm rủi ro trong kinh doanh.

Bộ luật tố tụng dân sự ban hành năm 2004 sửa đổi, bổ sung năm 2011 đã quy định thủ tục tố tụng chung cho tất cả các Tòa dân sự, kinh tế và lao động. Các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004 sửa đổi, bổ sung năm 2011 cho phép Tòa án được áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời để đảm bảo toàn tài sản của bị đơn trong khi chờ quyết định cuối cùng trở thành bước thay đổi quan trọng để cải thiện cơ hội cho nguyên đơn thắng kiện nhận được tiền bồi thường hoặc được bảo vệ quyền lợi một cách kịp thời.

Đối với Việt Nam, trong điều kiện hiện nay, cần thu hút vốn nước ngoài, thì môi trường pháp lý ổn định, dễ dự đoán trước là một trong những điều kiện quan trọng, tiên quyết để hấp dẫn đầu tư quốc tế.

- Xét về tính trách nhiệm trong thực thi pháp luật:

Tính trách nhiệm trong thực thi pháp luật là việc cán bộ, công chức nhà nước phải chịu trách nhiệm hành chính, trách nhiệm dân sự, thậm chí cả trách nhiệm hình sự cho hành vi thực hiện công vụ không tuân theo pháp luật của họ. Việc thiếu trách nhiệm của cán bộ, công chức nhà nước có thể làm tổn hại đến lợi ích hợp pháp của cá nhân, doanh nghiệp thông qua hành vi tùy tiện hoặc sai trái của họ. Việc thiếu trách nhiệm của án bộ, công chức có ảnh hưởng đến công việc của công” để cán bộ, công chức trốn tránh hoặc đùn đẩy trách nhiệm của mình, ví dụ: Thẩm phán các Tòa án cấp dưới thường xin thỉnh thị về các vụ các vụ việc đang xét xử với Thẩm phán của Tòa án cấp trên, mặc dù pháp luật đã quy định rõ ràng nguyên tắc độc lập, chỉ tuân theo pháp luật trong xét xử của Thẩm phán. Trong điều kiện các yếu tố ảnh hưởng đến việc ra quyết định của Thẩm phán không hoàn toàn là pháp lý hay căn cứ quy định của pháp luật thì các bên tranh chấp không có được kết quả giải quyết hiệu quả, khách quan.

Từ khi hội nhập quốc tế mạnh mẽ, các văn bản pháp luật của Việt Nam đã quy định rõ ràng hơn về trách nhiệm của cán bộ, công chức trong thực thi công vụ. Việc kiểm soát nhân dân hoặc Thanhtra Nhà nước có thể kiểm sát, thanh tra nếu nghi ngờ cán bộ, công chức không tuân thủ hoặc tuân thủ không đúng pháp luật. Cá nhân, tổ chức có thể gửi đơn khiếu nại và tố cáo về hành vi, quyết định bị chỉ là vi phạm pháp luật tới cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Cá nhân, tổ chức cũng có thể trực tiếp kiện hành vi đó ra Tòa án để xem xét, giải quyết.

Đặc biệt, những năm gần đây, người thực thi pháp luật phải chịu trách nhiệm nhiều hơn, cao hơn. Những sửa đổi trong các văn bản quy phạm pháp luật trong thời gian qua đã xây dựng và hoàn thiện cơ chế giải quyết khiếu nại, trong đó có hệ thống tòa hành chính để xem xét các quyết định của các cơ quan hành chính và sửa chữa những sai sót của các quyết định này (Luật khiếu nại năm 2011). Bên cạnh đó, Luật tố tụng hành chính năm 2010 quy định Tòa hành chính có thể xét xử: (1) Các khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính, trừ các quyết định trong hành chính, hành vi hành chính thuộc phạm vi bí mật nhà nước trong các lĩnh vực quốc phòng, an ninh, ngoại giao theo danh mục do Chính phủ quy định và các quyết định hành chính, hành vi hành chính mang tính nội bộ của cơ quan, tổ chức; (2) Khiếu kiện về danh sách cử tri bầu cử đại biểu Quốc hội, danh sách cử tri bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân; (3) Khiếu kiện quyết định kỷ luật buộc thôi việc công chức giữa chức vụ từ Tổng cục trưởng và

tương đương trở xuống; (4) khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại về quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh (Điều 28). Các loại vụ việc mà Tòa án có thể xem xét bao gồm các quyết định hành chính hoặc hành vi hành chính trong các lĩnh vực thương mại hàng hóa trong nước và quốc tế, quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ, chuyên giao công nghệ, đầu tư, quyết định về cạnh tranh. Nguyên đơn được bảo vệ các quyền lợi hợp pháp bởi các thủ tục pháp luật được quy định chi tiết trong Luật tố tụng hành chính năm 2010, kể cả thông qua các biện pháp khẩn cấp tạm thời ngay trước khi bắt đầu quá trình tố tụng, nếu nguyên đơn có thể chứng minh được tình trạng khẩn cấp (Điều 60). Trước kia, yêu cầu này của nguyên đơn chỉ có thể được chấp nhận sau khi Tòa án đã thụ lý đơn.

Theo quy luật của khiếu nại năm 2011, người có quyền liên quan trực tiếp không còn phải lựa chọn giữa khiếu nại theo thủ tục hành chính và khởi kiện ra Tòa án nữa. Trước đây, theo Luật khiếu nại, tố cáo năm 1998, họ phải lựa chọn một trong hai cách này sau khi nhận quyết định giải quyết khiếu nại mà họ cho là không thỏa đáng về trường hợp khiếu kiện của mình (Điều 39). Trong trường hợp người có quyền lợi trực tiếp liên quan đến quyết định khiếu nại tới cơ quan cấp trên hoặc cán bộ hành chính cấp trên, thì họ sẽ mất vĩnh viễn quyền khởi kiện ra Tòa án đối với quyết định hay hành vi hành chính đó. Việc không cho phép khiếu kiện ra Tòa án đối với các quyết định hành chính chung thậm chí không phù hợp với các quy tắc của cam kết quốc tế của Việt Nam. Các thay đổi của pháp luật Việt Nam thời kỳ hội nhập cho phép Tòa án được xem xét lại mọi quyết định và hành vi hành chính chung thậm chí chưa chung thẩm trong một số trường hợp ở bất kỳ thời điểm nào (Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật khiếu nại, tố cáo năm 2005 Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án hành chính năm 1996 sửa đổi, bổ sung năm 2006 và hiện nay là Luật khiếu nại năm 2011, Luật tố tụng hành chính năm 2010). Cá nhân hoặc doanh nghiệp bị thiệt hại giờ đây không còn phải dựa vào các biện pháp hành chính của cơ quan nhà nước để kỷ luật một cán bộ, công chức thiếu trách nhiệm mà họ có thể tự mình khởi kiện ra Tòa án theo thủ tục tư pháp nếu thấy cần thiết.

- Xét về khả năng tiếp cận các thủ tục pháp luật của cá nhân, tổ chức:

Trước khi hội nhập kinh tế sâu rộng, có thể thấy quyền khởi kiện ra Tòa án của cá nhân, tổ chức bị thiệt hại do hành vi hoặc quyết định hành chính của cán bộ, công chức nhà nước vi phạm pháp luật bị hạn chế rất nhiều (xem thêm mục c), Về tính trách nhiệm trong thực thi pháp luật ở trên. Điều này cho thấy, khả

năng tiếp cận các thủ tục pháp luật của cá nhân, tổ chức chưa được đầy đủ. Còn hiện nay, theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật, quyền trực tiếp khiếu kiện ra Tòa án của cá nhân, tổ chức đã mở rộng (Luật khiếu nại năm 2011, luật tố tụng hành chính năm 2010). Như vậy, khả năng tiếp cận các quy định pháp luật, thủ tục pháp luật của các cá nhân, tổ chức đã được cải thiện hơn nhiều so với trước đây.

Đối với việc ban hành văn bản pháp luật của các cơ quan nhà nước, những quy định trong pháp luật liên quan hiện nay như: Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008, Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2004, Nghị định số 24/2009/NĐ-CP ngày 05-3-2009 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06-02-2013 của Chính phủ về việc rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật), Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, thì những người soạn thảo dự thảo văn bản quy phạm pháp luật phải tham khảo, lấy ý kiến của những người chịu ảnh hưởng, chịu tác động trực tiếp của văn bản quy phạm pháp luật đó. Chính phủ có trang thông tin điện tử của Chính phủ để công bố trực tuyến các văn bản quy phạm pháp luật và dự thảo văn bản quy phạm pháp luật. Các quy định pháp luật của Việt Nam đã trở nên dễ tiếp cận đối với người dân, doanh nghiệp hơn nhiều so với trước đây.

Đặc biệt, Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 đã có những quy định tương đối đột phá trong việc bảo đảm quyền tiếp cận, tham gia của cá nhân, tổ chức trong việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. Việc bảo đảm công khai, dân chủ trong việc tiếp cận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của cá nhân, cơ quan, tổ chức trong quá trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật trở thành một nguyên tắc không thể thiếu (Điều 5); các cá nhân, cơ quan, tổ chức liên quan được tạo điều kiện góp ý vào đề nghị xây dựng văn bản quy phạm và dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (Điều 6). Việc lấy ý kiến đối với từng loại văn bản quy phạm pháp luật cũng được quy định cụ thể trong Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

- Những sửa đổi trong pháp luật về chức năng quản lý của cơ quan nhà nước:

Về nguyên tắc, vai trò của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là gián tiếp, Nhà nước chỉ điều chỉnh vĩ mô, không can thiệp vào những quy định cụ thể của doanh nghiệp. Nhà nước không có lợi ích trực tiếp trong một quyết định kinh cụ thể của doanh nghiệp và cũng không tự mình trực tiếp đưa ra quyết định kinh doanh. Khi Nhà nước chỉ có chức năng như là người xây dựng các quy tắc chung cho kinh doanh thì Nhà nước sẽ ít bị phụ thuộc vào những xung đột lợi ích mà các xung đột lợi ích này có thể bóp méo hoạt động của Nhà nước để có lợi cho một số doanh nghiệp nhất định và bất lợi cho một số doanh nghiệp khác trong cùng thị trường cùng một điều kiện.

Trước khi hội nhập quốc tế sâu rộng, pháp luật quy định vai trò của nhà nước đối với các hoạt động kinh doanh mang tính trực tiếp hơn so với mức cần có cho hệ thống văn bản pháp luật theo định hướng thị trường, ví dụ: quy định về quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với công ty nhà nước tại Luật doanh nghiệp nhà nước năm 2003.

Vai trò gián tiếp của nhà nước đã được khẳng định trong các văn bản quy phạm pháp luật. Luật doanh nghiệp năm 2005, sửa đổi bổ sung năm 2009, 2013, Luật đầu tư năm 2005. Đến nay sự gián tiếp đó tiếp tục được tái khẳng định trong Luật đầu tư năm 2014, Luật doanh nghiệp năm 2014. Các luật ban hành trong giai đoạn hội nhập quốc tế sâu, rộng đã giảm bớt mức độ tác động trực tiếp của nhà nước vào quá trình kinh doanh của các doanh nghiệp, kể cả doanh nghiệp nhà nước. Ví dụ: trong việc soạn thảo hợp đồng, giảm bớt đến mức tối thiểu sự can thiệp của nhà nước thể hiện ở việc không quy định “cứng” trong pháp luật các nội dung cần có của hợp đồng. Điều 402 Bộ luật dân sự năm 2005 liệt kê các mục có thể, nhưng không bắt buộc được đưa vào hợp đồng, đây là một thay đổi lớn về khía cạnh điều chỉnh pháp luật liên quan đến hợp đồng. Luật thương mại năm 2005 không còn yêu cầu phải có những điều khoản và nội dung nhất định, cụ thể trong hợp đồng. Luật thương mại năm 2005 chuyển từ việc quy định danh sách liệt kê những đối tượng được đăng ký và loại hoạt động nào được đăng ký sang quy định một danh sách mở. Trước đây chỉ có những thương nhân mới có quyền hoạt động thương mại đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Pháp luật thương mại trước đây chỉ cho phép 14 hành vi cụ thể là thương mại (theo Điều 45 Luật thương mại năm 1997), nhưng luật thương mại năm 2005 đã cho phép thực hiện bất kỳ hoạt động nào không bị cấm.

- Giảm thiểu chi phí trong thực hiện, thực thi pháp luật:

Nhà nước có thể hỗ trợ doanh nghiệp thông qua việc xây dựng và thực hiện các quy định pháp luật đảm bảo chi phí tuân thủ pháp luật ở mức thấp nhất có thể. Nhà nước giúp giải phóng các nguồn lực của doanh nghiệp để tập trung đầu tư vào các hoạt động kinh tế. Nhà nước có thể giảm thiểu chi phí ví dụ: thông qua việc quy định cơ quan nhà nước sẽ cung cấp các loại dịch vụ liên quan đến nhau thay bằng việc nhiều cơ quan cung cấp, để tránh trùng lặp và làm hài hòa nội dung các quy định pháp luật cùng áp dụng cho một hoạt động cụ thể nào đó.

Những sửa đổi trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật những năm gần đây ngày càng giảm thiểu chi phí liên quan khi thực hiện các quy định pháp luật áp dụng cho các hoạt động kinh doanh. Pháp luật quy định cán bộ công chức hành chính phải chịu trách nhiệm về các hành động và quyết định của mình đã giúp làm giảm chi phí cho doanh nghiệp. Pháp luật có tính dự đoán trước tốt hơn cũng giúp giảm chi phí cho doanh nghiệp. Hiện nay ở Việt Nam đã có những văn bản quy phạm pháp luật yêu cầu cơ quan nhà nước phải cố gắng giảm thiểu chi phí quản lý đối với doanh nghiệp như ở một số nước phát triển ví dụ: Nghị quyết pháp kiểm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo an sinh xã hội và tăng trưởng bền vững quy định: Bộ Công Thương chủ trì đề xuất các giải pháp cải cách thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động xuất khẩu Việt Nam... Bên cạnh đó các văn bản pháp luật khác của Việt Nam hiện nay cũng cho thấy, Nhà nước cũng rất quan tâm đến vấn đề giảm thiểu chi phí liên quan đến việc thực thi pháp luật, nhất là các văn bản pháp luật gần đây đã được ban hành nhằm tháo gỡ những khó khăn vướng mắc, phiền hà trong các thủ tục hành chính, chuyển hoạt động của cơ quan hành chính sang phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Đưa vào pháp luật thông lệ quốc tế tốt nhất:

Mặc dù sau khi đổi mới (năm 1986), Việt Nam đã bắt đầu chấp nhận các thông lệ quốc tế tốt nhất trong pháp luật của mình, tuy vậy, pháp luật ở giai đoạn đầu của thời kỳ đổi mới vẫn còn nhiều bất cập so với những tiến bộ pháp lý của thế giới. Ví dụ: Nhà nước cho phép dùng trọng tài thương mại giải quyết tranh chấp liên quan để phù hợp với các thông lệ quốc tế, nhưng khi Việt Nam ra nhập Công ước Niu Óoc năm 1958 về công nhận và thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài vào năm 1995, Việt Nam đã gia nhập trên cơ sở bảo lưu rằng Công ước này chỉ áp dụng đối với tranh chấp “thương mại” được định nghĩa theo pháp luật trong nước. So với nhiều nước khác, định nghĩa về “thương mại” của Việt Nam vào thời điểm đó là quá hẹp. Phán quyết trọng tài liên quan đến các vấn đề

khác như đầu tư, ngân hàng và xây dựng – thường được không thi hành tại Việt Nam. Định nghĩa hẹp về hoạt động thương mại đã dẫn đến nhiều bất cập trong nước và đối với doanh nghiệp nước ngoài khi xảy ra tranh chấp với đối tác Việt Nam, đặc biệt là các tranh chấp được giải quyết bằng trọng tài quốc tế. Kết quả là trước năm 2011, nhiều doanh nghiệp nước ngoài không tin tưởng tòa án Việt Nam sau cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài mới có hiệu lực mới không xem xét lại các vấn đề nội dung của phán quyết này. Thậm chí xem xét lại các phán quyết này giống như họ làm đối với phán quyết trọng tài trong nước. Thêm nữa ở thời điểm này, quyết định của trọng tài trong nước không có cưỡng chế thi hành, do đó, các bên tranh chấp nếu không tự nguyện thi hành quyết định của trọng tài, buộc phải kiện ra tòa án để có cơ chế thi hành bằng cưỡng chế. Điều mà có thể dẫn đến việc phải chịu một lần nữa án phí và mất thêm thời gian, công sức. Các quy định pháp luật không phù hợp với thông lệ quốc tế này có thể làm cho doanh nghiệp có xu hướng kiếm tìm cách thức khác phi kinh tế, phi thị trường để bảo vệ mình, ví dụ: tăng giá lên cao để bù đắp cho rủi ro cao hoặc có thể rút khỏi giao dịch mặc dù giao dịch này rất có triển vọng. Cùng với quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế, việc đưa vào trong nước những thông lệ quốc tế tốt nhất đã dẫn đến nhiều thay đổi tích cực về nội dung pháp luật của Việt Nam so với trước đây. Những sửa đổi pháp luật, trong đó có Pháp lệnh trọng tài thương mại năm 2003, sau đó là luật trọng tài thương mại năm 2010 đã mở rộng khái niệm “thương mại” để xóa bỏ các vấn đề bất cập trong thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài. Doanh nghiệp tại Việt Nam sử dụng trọng tài nước ngoài ngày nay dễ dàng hơn rất nhiều so với những năm đầu của thời kỳ đổi mới. Các luật và văn bản dưới luật cũng bổ sung nhiều khái niệm mới tiếp thu từ trong khuôn khổ hợp tác kinh tế quốc tế, như: chống bán phá giá, chống trợ cấp, phòng vệ thương mại, đối xử quốc gia (NT), đối xử tối huệ quốc (MFN), vvv..

Liên quan đến giải quyết tranh chấp kinh tế, thương mại và các biện pháp chế tài được áp dụng cũng đã thể hiện việc tiếp thu các thông lệ quốc tế tốt nhất vào nội dung văn bản pháp luật trong nước. Việc được lựa chọn các cơ chế giải quyết tranh chấp đã phổ biến hơn, từ việc giải quyết tranh chấp bằng Tòa án hay trọng tài ở phạm vi trong nước hay quốc tế.

- Sự linh hoạt và vi phạm điều chỉnh pháp luật đáp ứng được tính phức tạp của các giao dịch trong kinh doanh:

Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, pháp luật phải tương thích với mức độ ngày càng phức tạp của hoạt động kinh doanh diễn ra trong thực tế. Các quy định pháp luật phù hợp đối với các giao dịch đơn giản sẽ không thích hợp để áp dụng cho các giao dịch phức tạp, ví dụ: các quy định pháp lý đơn giản trong Pháp lệnh về hợp đồng kinh tế năm 1989 để điều chỉnh các quan hệ kinh tế kế hoạch hóa sẽ không phù hợp trong việc điều chỉnh đối với các quy định mới tốt hơn cho phép các bên thiết kế các giao dịch theo yêu cầu đa dạng, khác nhau của họ. Đặc biệt, trong những năm gần đây pháp luật về kinh tế, thương mại của Việt Nam ngày càng đáp ứng các yêu cầu, đòi hỏi cao hơn về các giao dịch, quan hệ kinh tế quốc tế trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

Nói tóm lại, hội nhập quốc tế ngày càng mang lại cho pháp luật về kinh tế, thương mại của Việt Nam nhiều thay đổi quan trọng, điều đó ảnh hưởng tới kinh doanh theo nhiều cách đa dạng và phức tạp. Các thay đổi về luật pháp có ảnh hưởng tới các quy trình pháp lý xảy ra trong nhiều lĩnh vực kinh tế khác nhau và sẽ tăng cường tính minh bạch khả năng dự đoán, khả năng tiếp cận và các đặc tính quan trọng khác của pháp luật của một nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Có những thay đổi trong pháp luật áp dụng với một số ngành kinh tế quan trọng như tài chính, ngân hàng, hay sở hữu trí tuệ góp phần củng cố nhiều hình thức kinh doanh, còn có những thay đổi khác góp phần tăng cường các hoạt động trên thị trường Việt Nam của các doanh nghiệp Việt Nam và doanh nghiệp nước ngoài. Tuy vậy, một điều quan trọng là sự thay đổi cơ bản theo hướng tích cực này của hệ thống văn bản pháp luật phải được thực thi nghiêm chỉnh và thống nhất.

Chính vì vậy, thách thức chính, cơ bản trong giai đoạn tương lai là thi hành, thực thi có hiệu quả các văn bản quy phạm pháp luật trong một hệ thống văn bản pháp luật ngày càng hiện đại và phù hợp với các thông lệ quốc tế phổ biến.

- Có sự cải thiện cơ bản liên quan đến hợp tác quốc tế về thi hành các bản án, quyết định của các cơ quan tư pháp hoặc quyết định của trọng tài về các vụ việc kinh tế, thương mại:

Trong quá trình toàn cầu hóa hiện nay, sự mở rộng các quan hệ dân sự, kinh doanh mà trong đó đối tượng chủ thể tham gia đến từ hai hay nhiều quốc gia khác nhau là một xu thế tất yếu. Điều này kéo theo việc trên thực tế cơ quan

nhà nước có thẩm quyền phải áp dụng pháp luật đối với cá nhân, tổ chức của một quốc gia/của lãnh thổ của một quốc gia sẽ có những phán quyết đối với vụ việc kinh tế, thương mại mà đối tượng thi hành lại ở một quốc gia lãnh thổ khác. Do đó, một quốc gia lãnh thổ có thể tự mình áp dụng pháp luật hoặc thực thi bản án, quyết định trong những trường hợp như trên mà không có sự hỗ trợ của hai hay nhiều quốc gia lãnh thổ khác. Thông thường, cơ chế hỗ trợ này sẽ được vận hành thực sự hiệu quả nếu có sự tồn tại của một thỏa thuận giữa các bên dưới hình thức một điều ước quốc tế. Các thỏa thuận đó có thể là một điều ước quốc tế mang tính toàn cầu, một điều ước quốc tế khu vực giữa nhiều bên có liên quan hoặc là một hiệp định song phương hai bên.

Quá trình hội nhập quốc tế ở Việt Nam đã thúc đẩy việc ký kết các điều ước quốc tế ở các hình thức nêu trên nhằm bảo đảm cho việc áp dụng pháp luật hoặc công nhận và thi hành các bản án, quyết định về kinh tế, thương mại có yếu tố nước ngoài. Trong giai đoạn hiện nay, xu hướng ký kết các điều ước quốc tế đa phương đang trở nên nổi trội hơn, vì điều ước quốc tế đa phương toàn cầu hoặc khu vực có tính thống nhất, ổn định hơn so với điều ước song phương. Theo đó, một số bộ quy tắc chung về áp dụng pháp luật hay công nhận và thi hành bản án, quyết định của Tòa án, quyết định của Trọng tài nước ngoài sẽ được các nước thành viên áp dụng đối với các quốc gia khác cùng tham gia ký kết điều ước quốc tế đó. Điều này tạo thuận lợi cho cơ quan có thẩm quyền của mỗi quốc gia thông qua việc áp dụng một hệ quy định chung trong lĩnh vực thi hành pháp luật, công nhận và cho thi hành các bản án, quyết định của Tòa án, trọng tài nước ngoài.

Điều ước quốc tế đa phương ghi nhận sự nhượng bộ của nhiều quốc gia có trình độ phát triển, đặc điểm kinh tế chính trị, văn hóa - xã hội rất khác nhau nên xét về phạm vi và tính linh hoạt, thì phạm vi cam kết có thể hạn chế hơn so với hiệp định song phương. Chính vì lý do này, song song với việc thúc đẩy tham gia các điều ước quốc tế đa phương theo xu thế chung trên thế giới, việc Việt Nam tăng cường đàm phán và ký kết các điều ước quốc tế song phương trong áp dụng pháp luật và tương trợ tư pháp đã, đang được xác định cần tiếp tục được đẩy mạnh và tăng cường. Điều này xuất phát từ nhu cầu và đòi hỏi thực hiện hội nhập quốc tế một cách có hiệu quả.

- Hội nhập quốc tế làm phát triển một số tiêu lĩnh vực trong lĩnh vực pháp luật về kinh tế, thương mại:

Hội nhập kinh tế quốc tế làm phát sinh nhiều lĩnh vực kinh doanh mới. Các lĩnh vực ngành nghề này gắn với một số nền kinh tế thị trường, mà không có trong nền kinh tế tập trung, quan liêu, bao cấp, ví dụ: dịch vụ logistics, quảng cáo, môi giới, thương mại, v.v... Các hoạt động trong các ngành nghề mới đã phát sinh nhu cầu cần có các lĩnh vực pháp luật tương ứng để điều chỉnh. Bên cạnh đó, một số lĩnh vực pháp luật không phát triển trong nền kinh tế tập trung, quan liêu, bao cấp, thì nay lại đặc biệt quan trọng trong nền kinh tế thị trường, ví dụ: các lĩnh vực pháp luật về đầu tư, trọng tài, luật sư, giải quyết tranh chấp thương mại, đầu tư.



TTBD ĐBDC

